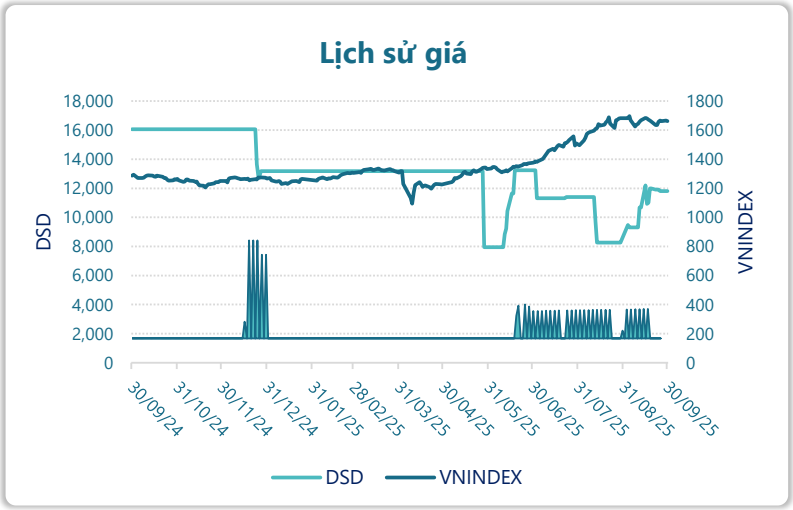
FireAnt

CTCP DHC Suối Đôi (UPCOM: DSD)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,058
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,949
SL cổ phiếu LH	58,399,756
KLGD BQ 20 phiên (CP)	135
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	689
P/E	26.4
EPS	447

DT thuần

Q3/25

79.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.80| 3.7%

YoY: ▲ 10.8| 15.8%

LN sau thuế

Q3/25

30.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.70| -5.3%

YoY: ▲ 8.40| 37.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

41.0%

DT thuần

9T 2025

175

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 18.0| 11.8%

LN sau thuế

9T 2025

47.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.7| 45.3%

ROE

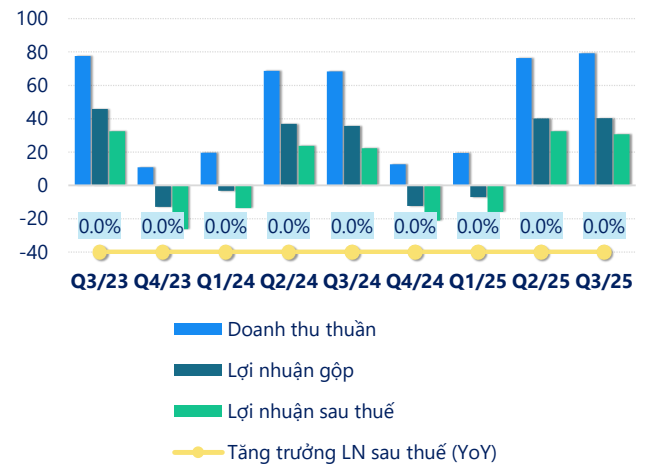
Q3/25

4.2%

+/- YoY: ▲ 3.0%

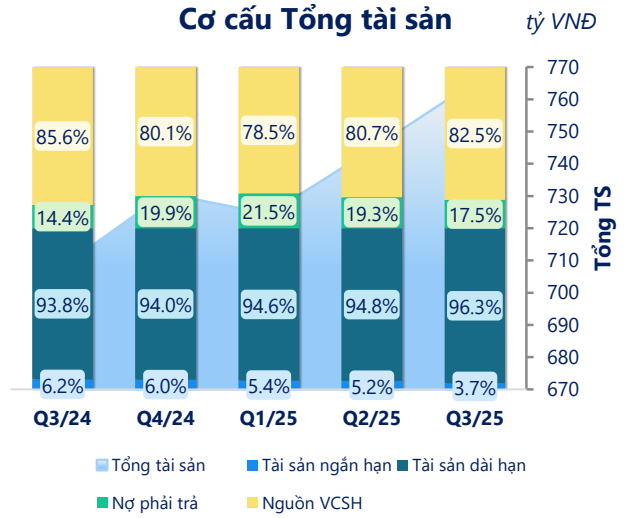
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



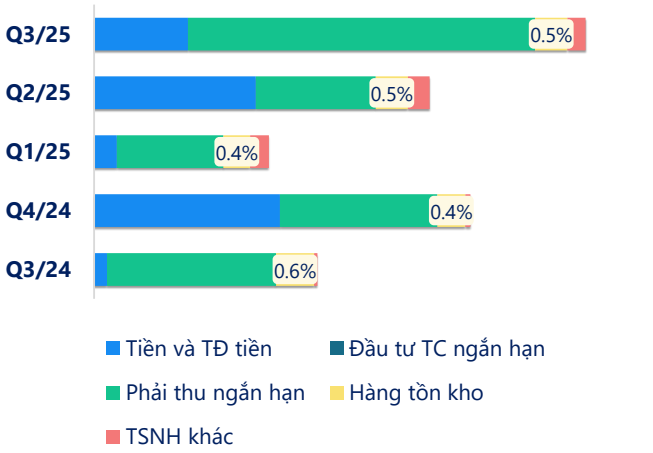
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



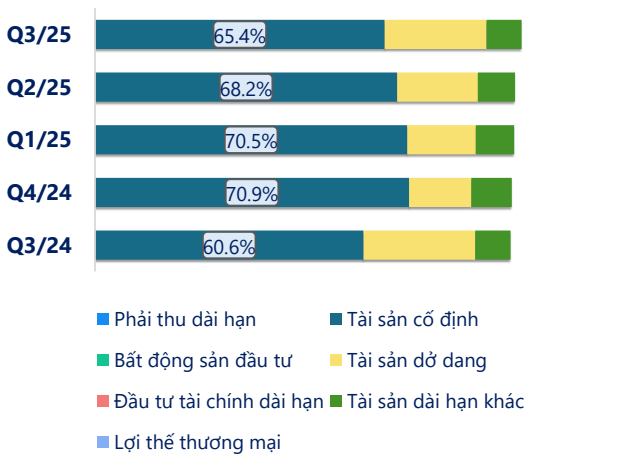
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



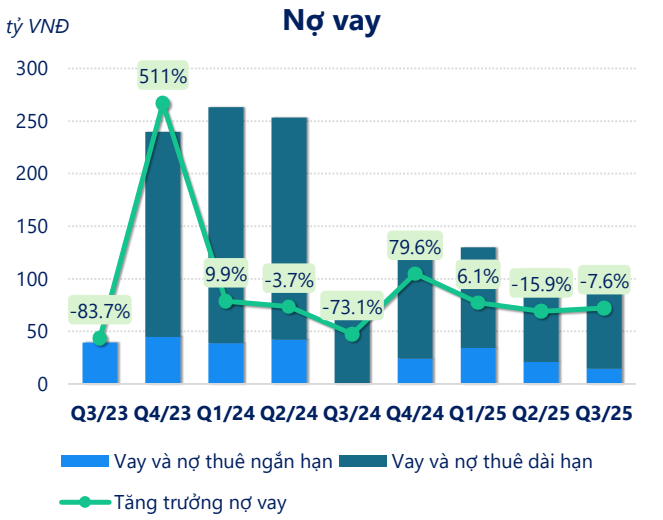
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



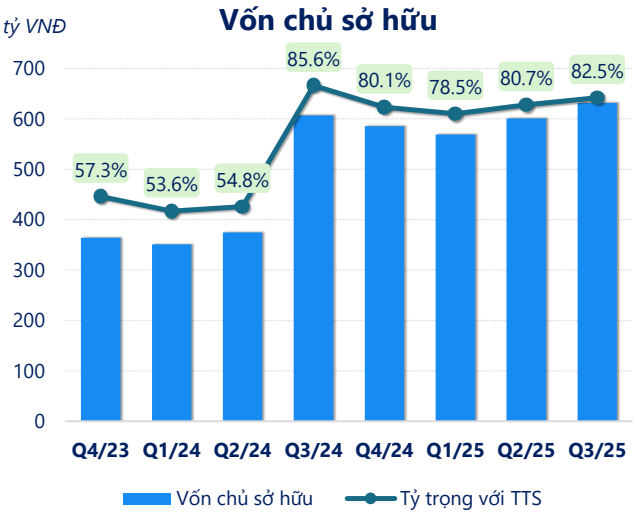
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



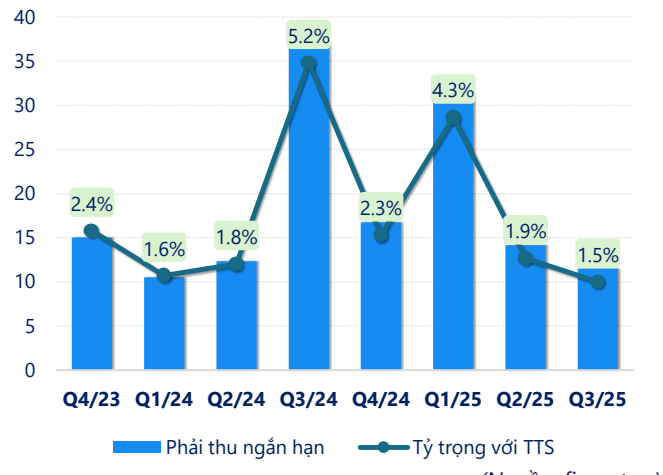
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



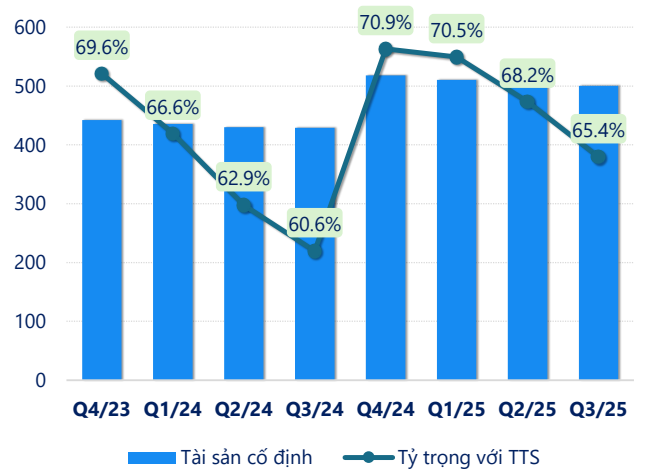
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



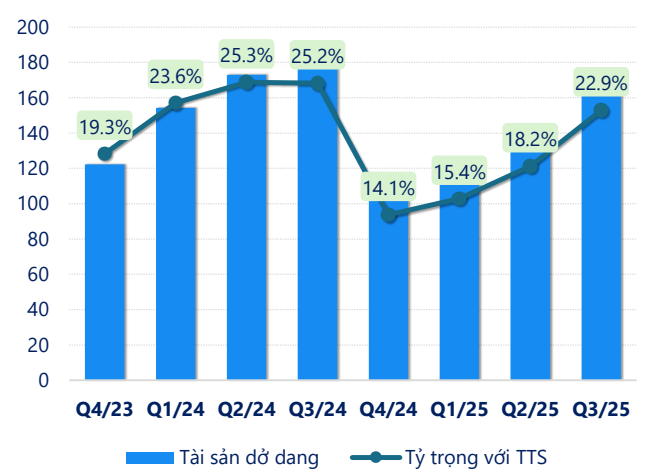
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



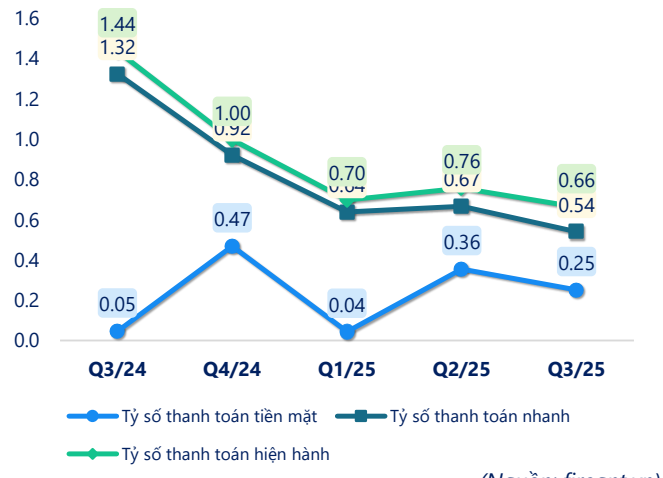
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



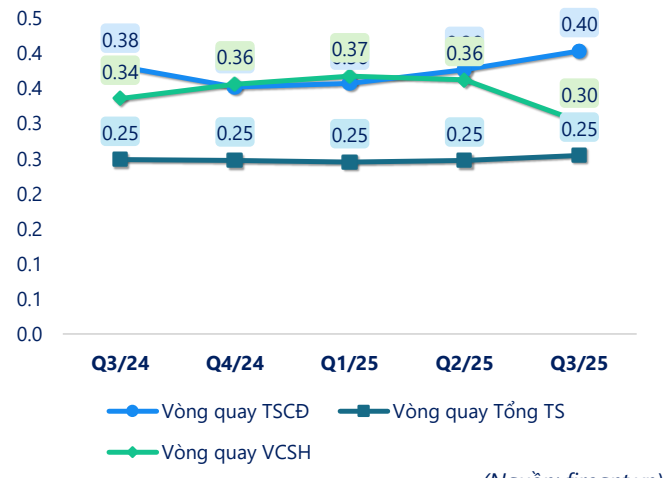
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**708**	**731**	**724**	**745**	**765**
Tài sản ngắn hạn	**43.7**	**43.5**	**39.2**	**38.6**	**28.5**
Tiền và tương đương tiền	1.38	20.4	2.47	18.1	10.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	37.0	16.8	31.1	14.2	11.5
Hàng tồn kho	3.43	3.34	3.29	4.56	5.27
Tài sản ngắn hạn khác	1.95	2.96	2.36	1.75	0.95
Tài sản dài hạn	**664**	**687**	**685**	**706**	**737**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	429	518	511	508	500
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	179	103	112	135	176
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	56.6	66.5	62.9	62.7	60.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**102**	**145**	**156**	**144**	**134**
Nợ ngắn hạn	**30.4**	**43.6**	**56.3**	**51.0**	**43.0**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	24.1	34.3	20.9	14.4
Phải trả người bán ngắn hạn	18.7	12.5	14.4	19.5	21.2
Nợ dài hạn	71.2	102	99.6	92.6	90.8
Vay và nợ thuê dài hạn	68.2	98.4	95.7	88.5	86.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	**606**	**585**	**569**	**601**	**632**
Vốn chủ sở hữu	**606**	**585**	**569**	**601**	**632**
Vốn điều lệ	471	471	471	471	584
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)